TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST Ngày: 02/8/2018 V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình (T – H)	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Tăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt

2. Ông Bùi Đức Minh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXX-ST ngày 17/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh T – sinh năm 1985**

HKTT: Thôn Đ, xã H1, huyện H2, tỉnh Thái Bình

Hiện đang lao động tại: G, Ch, Seongsan, Sindong xyz, Sejinbathuj, Hàn Quốc

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H – sinh năm 1986**

HKTT: Thôn Đ, xã H1, huyện H2, tỉnh Thái Bình

(Anh T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt tại tòa án, chị H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 09/4/2018 và tại bản tự khai nguyên đơn - anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã H1, huyện H2, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H ghen tuông mù quáng, hỗn láo với gia đình nhà chồng, anh đã khuyên bảo và tha thứ cho chị H nhiều lần để vợ chồng hàn gắn lại nhưng chị H vẫn không nghe và không thay đổi. Anh đi lao động tại Hàn Quốc, hai vợ chồng không thường xuyên liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Hai vợ chồng không còn tình cảm, đã chính thức ly thân từ ngày 12/01/2017 cho đến nay.

Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng anh sinh được 01 người con chung là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 28/02/2014, hiện tại cháu đang ở với chị H. Ly hôn anh có nguyện vọng nhường con lại cho chị H nuôi dưỡng, anh góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 700.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh T trình bày vợ chồng anh chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Vì điều kiện công việc cũng như hoàn cảnh địa lý anh T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt tại Tòa án.

** Tại Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã H1, huyện H2, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tháng 9/2014 anh T sang lao động tại Hàn Quốc, thời gian đầu anh có gọi điện, nhắn tin về nói thương vợ nhớ con. Chị ở nhà làm tròn trách nhiệm của người vợ, người con dâu và người mẹ. Tuy nhiên anh T đi làm ở nước ngoài, công việc lương cao gửi hết về cho bố mẹ, chị không nhận được một tháng lương nào của anh T trong suốt 4 năm. Tháng 7/2015 anh T có về nước, sinh sự đánh chị khiến chị phải đi cấp cứu. Tuy nhiên vì thương con nhỏ dại chị đã khóc lóc, van xin nhưng anh T và gia đình vẫn kiên quyết nói muốn bỏ chị. Tết 2017 anh T dẫn một người phụ nữ về nhà, nhưng gia đình anh T không khuyên bảo. Chị biết anh T đã có người phụ nữ khác, người phụ nữ đó còn nhắn tin nói cho chị biết rằng hai người đã chung sống với nhau từ tết,

anh T hứa sẽ ly hôn chị để lấy người phụ nữ đó. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị cảm thấy thời gian 5 năm qua nỗi đau của chị cũng đã quá nhiều, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh P – sinh ngày 29/12/2013. Hiện cháu đang ở cùng chị. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu P. Chị không đồng ý với mức cấp dưỡng 700.000 đồng của anh T vì anh T đang đi lao động ở Hàn Quốc, hơn 4 năm rồi không lo cho gia đình và cháu P. Trong khi đó cháu P có tật về mắt, phải đi khám thường xuyên trên Hà Nội, mỗi lần đi khám ít nhất là 1.000.000 đồng, cháu cũng phải thay mắt kính liên tục theo độ của mỗi lần khám, do cháu còn nhỏ hiếu động nên gọng kính cũng phải thay liên tục. Tại bản tự khai chị yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm chị H thay đổi ý kiến, chị yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị H trình bày vợ chồng anh chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành quy định của pháp luật

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn chị H. Do anh T có nguyện vọng nhường con chung cho chị H nuôi dưỡng, chị H cũng muốn nuôi cháu, nên đề nghị HĐXX giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh T đề nghị góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng, tuy nhiên mức cấp dưỡng nuôi con chung như vậy chưa phù hợp với chi phí thực tế vì cháu P đang có tật về mắt, cần phải điều trị. Đề nghị HĐXX buộc anh T phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H1, huyện H2, tỉnh Thái Bình, hiện anh T đang sinh sống làm việc tại Hàn Quốc, vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Anh T, chị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh T đã có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã H1, huyện H2, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/3/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Anh T đi lao động ở nước ngoài hai vợ chồng cũng không thường xuyên liên lạc, không quan tâm đến nhau. Hiện tại anh T chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, thống nhất ly hôn. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh T và chị H được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về quan hệ con chung:* Anh T và chị H có 01 con chung là Nguyễn Thanh P – sinh ngày 29/12/2013. Hiện cháu đang ở cùng chị H. Ly hôn anh T có nguyện vọng nhường quyền nuôi con chung cho chị H, chị H cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu P. Cần giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, hai vợ chồng đều trình bày cháu P có tật về mắt. Tại bản tự khai đề ngày 12/4/2018 và văn bản đề ngày 25/2018 anh T gửi về cho Tòa án, anh trình bày hiện anh đang đi lao động tại nước ngoài nhưng công việc không ổn định, cháu P còn nhỏ, chưa thể điều trị ngay được, khi nào cháu lớn điều trị mắt được anh sẽ có trách nhiệm chữa mắt cho cháu, anh vẫn giữ nguyên quan điểm sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 700.000 đồng. Chị H không đồng ý với mức cấp dưỡng 700.000 đồng của anh T với lý do anh T đi lao động ở Hàn Quốc hơn 4 năm rồi không lo cho gia đình và cháu P. Trong khi đó bệnh tình của cháu P phải đi khám thường xuyên trên Hà Nội, mỗi lần đi khám ít nhất là 1.000.000 đồng, cháu đi khám phải thay mắt kính liên tục theo độ của mỗi

lần khám, do cháu còn nhỏ hiếu động nên gọng kính cũng phải thay liên tục. Chị yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000 đồng. HĐXX xét thấy anh T chỉ chấp nhận góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 700.000 đồng là chưa phù hợp với các chi phí thực tế trong việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy cần buộc anh T góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.100.000 đồng kể từ tháng 8/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[6] *Về quan hệ tài sản:* Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, nên không đặt ra giải quyết.

[7] *Về án phí*: Anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

[8] *Về quyền kháng cáo*: Anh T, chị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị H

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh P – sinh ngày 29/12/2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.100.000 đồng kể từ tháng 8/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung, có quyền xin thay đổi quyền nuôi con chung; đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

3. Về phần tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình tại biên lai thu số 0008776 ngày 09/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí. Anh T còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;*
- *Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;*
- *UBND xã H1, h. H2;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu HCTP (3).*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Mạnh Tăng

-